TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2025
V/v tranh chấp: "Không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Bi.
2. Ông Lê Thành Thạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp: *"Xin ly hôn, con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đ.
- *Bị đơn*: Ông Thái Tăng T, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đ.

(Bà T xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc. Bà T phải nhiều lần trả nợ cờ bạc của ông T. Bà T nhiều lần khuyên can ông T bỏ cờ bạc nhưng ông T không sửa đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến tháng 7/2024 vợ chồng sống ly thân đến nay. Thời gian sống ly thân, bà T và ông T không hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm của bà T đối với ông T không còn nên yêu cầu xin ly hôn..

Về con chung: Có 02 con tên Trần Minh Đ, sinh ngày 11/6/2003 và Trần Ngọc Trâm A, sinh ngày 24/6/2013. Trần Minh Đ đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết. Trần Ngọc Trâm A đang sống với bà T. Ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi Trần Ngọc Trâm A, không yêu cầu ông Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, Tòa án tống đạt thông báo các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xứ, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Thái Tăng T hợp lệ. Nhưng ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng không đến dự phiên tòa.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30 tháng 12 năm 2014; xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Cho bà T được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Trâm A, sinh ngày 24/6/2013 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Con tên Trần Minh Đ, sinh ngày 11/6/2003 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Bà Trần Thị Ngọc T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Thái Tăng T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện khu vực 2 - Đồng Tháp theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Ông T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T và ông T.

[2] Về nội dung vụ kiện

Theo đơn xin ly hôn ngày 21/02/2025, bà Trần Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Thái Tăng T. Xét thấy, theo "*Biên bản xác minh*" ngày 10/4/2025, Uỷ ban nhân dân xã Phú Thạnh xác nhận: *Bà Trần Thị Ngọc T và ông Thái Tăng T sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện tại vợ chồng không*

còn chung sống với nhau. Do đó, có cơ sở xác định bà Trần Thị Ngọc T và ông Thái Tăng T sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000, qui định như sau: "*b. Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm… Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;"*. Do bà T và ông T chung sống với nhau từ năm 2001, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận bà T và ông T là vợ chồng.

Bà T và ông T có 02 con chung tên Trần Minh Đ, sinh ngày 11/6/2003 và Trần Ngọc Trâm A, sinh ngày 24/6/2013. Trần Minh Đ đã trên 18 tuổi, bà T không yêu cầu giải quyết. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi Trần Ngọc Trâm A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông T không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của bà T nên để ổn định cuộc sống của Trần Ngọc Trâm A và phù hợp với nguyện vọng của Trần Ngọc Trâm A là muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, giao Trần Ngọc Trâm A cho bà Tuyền tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Bà T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên.

Kiểm sát viên phân tích và đề nghị phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí.

Bà Trần Thị Ngọc T có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông Thái Tăng Tiến không nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật áp dụng:

- Điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000;
- Khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T.
- Không công nhận Trần Thị Ngọc T và ông Thái Tăng T là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao Trần Ngọc Trâm A, sinh ngày sinh ngày 24/6/2013 cho bà Trần Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Bà Trần Thị Ngọc T chưa yêu cầu ông Thái Tăng T cấp dưỡng nuôi con.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc T phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, theo biên lai số 0010766, ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, Bà Trần Thị Ngọc T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt Bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 2;
- THA DS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hoàng Nhi